



**anviet**  
Certified Public Accountants

**Công ty TNHH Kiểm toán An Việt**  
[www.anvietcpa.com](http://www.anvietcpa.com)

**CÔNG TY TNHH MTV ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ QUỐC TẾ**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014**

**MỤC LỤC**

<b>NỘI DUNG</b>	<b>TRANG</b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	02 - 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04 - 06
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	07 - 08
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	09
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	11 - 36
PHỤ LỤC 1: BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	37 - 38
PHỤ LỤC 2: BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	39
PHỤ LỤC 3: BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	40

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế (gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo này cùng với báo cáo tài chính Công ty mẹ đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014.

### **Hội đồng thành viên và Ban Tổng Giám đốc**

Các thành viên của Hội đồng thành viên và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng thành viên**

Ông Phùng Tiến Toàn	Chủ tịch
Ông Phạm Văn Yên	Thành viên
Ông Lê Vĩnh Phúc	Thành viên
Bà Trịnh Bích Hồng	Thành viên
Ông Đặng Tài Hùng	Thành viên

#### **Ban Tổng Giám đốc**

Ông Phạm Văn Yên	Tổng Giám đốc
Ông Lê Vĩnh Phúc	Phó Tổng Giám đốc
Bà Phùng Thúy Hoa	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 26/8/2014)

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính Công ty mẹ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014, phản ánh một cách trung thực và hợp lý, tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế và thực hiện kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận; và
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính được lập và trình bày tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính Công ty mẹ.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc,



**Phạm Văn Yên**  
**Tổng Giám đốc**

Hà Nội, ngày 15 tháng 09 năm 2015

Số: MA/2015/KT-AV2-TC

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Hội đồng Thành viên và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty TNHH MTV Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH MTV Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 24/08/2015, từ trang 07 đến trang 36 bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2014, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Số liệu của kỳ báo cáo trước được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Độc lập quốc gia Việt Nam Báo cáo kiểm toán số 2059/2014/KTQGVN-BCKT ngày 02/06/2014 đưa ra ý kiến hạn chế phạm vi kiểm toán: (1) Kiểm toán viên không tham gia chứng kiến kiểm kê tiền mặt, hàng tồn kho, tài sản cố định và khối lượng công trình xây dựng cơ bản dở dang của Công ty tại thời điểm 31/12/2013; (2) không thu thập được thông tin xác định giá trị thực tế của các khoản đầu tư của Công ty để thực hiện trích lập dự phòng tổn thất (nếu có) cũng như có thể thu được trong năm 2013; (3) không thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Chi nhánh miền Nam và Xí nghiệp Sơn Đồng; (4) không xác nhận được khoản tiền 5.064.166.666 VND cho Công ty Cổ phần Điện tử Giảng Võ vay; (5) chưa tập hợp đầy đủ biên bản đối chiếu công nợ xác nhận các khoản phải thu, phải trả, tạm ứng và không xác nhận số dư tạm ứng tại ngày 31/12/2013; (6) chưa xác định để thực hiện trích lập dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi cho số dư tại ngày 31/12/2013 với số tiền 48.573.879.128 VND và 26.836.419.723 VND trên sổ kế toán tài khoản 131 và 138; (7) số tiền 53.765.026.482 VND nhận từ các cổ đông góp vốn để thành lập Công ty Đầu tư Bất động sản quốc tế (IPC) đã hạch toán tăng vốn Nhà nước tại Công ty.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)**

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên (tiếp theo)**

Ngày 24/08/2015, chúng tôi đã phát hành báo cáo kiểm toán độc lập số 198/2015/BCTC-VA về báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 của Công ty TNHH MTV Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế và đưa ra ý kiến chấp nhận từng phần. Tại Công văn số 266/ĐTTM-DV ngày 25/08/2015, Công ty đã đề nghị chúng tôi phát hành lại báo cáo kiểm toán độc lập trên cơ sở điều chỉnh lại các thuyết minh số 21 (vay và nợ dài hạn) và thuyết minh số 33 (số liệu so sánh). Chúng tôi đã thực hiện các thủ tục kiểm toán cần thiết đối với báo cáo tài chính của Công ty liên quan tới ý kiến kiểm toán trên báo cáo kiểm toán độc lập nêu trên.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### **Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

Do được bổ nhiệm làm kiểm toán viên của Công ty sau ngày 31/12/2014 nên chúng tôi không thể tham gia quan sát công việc kiểm kê hàng tồn kho của Chi nhánh miền Nam tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Bằng các thủ tục kiểm toán thay thế, chúng tôi cũng không thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để xác nhận số dư này được trình bày tại chỉ tiêu “Hàng tồn kho” tại ngày 01/01/2014 và 31/12/2014 với số tiền lần lượt là 36.005.511.509 VND và 53.794.527.385 VND trên bảng cân đối kế toán kèm theo.

Công ty chưa thu thập được đầy đủ biên bản đối chiếu các khoản đầu tư tài chính tại ngày 01/01/2014 và 31/12/2014 được trình bày tại chỉ tiêu “Các khoản đầu tư tài chính dài hạn” trên bảng cân đối kế toán kèm theo với số tiền là 13.815.760.581 VND. Bằng các thủ tục kiểm toán thay thế, chúng tôi cũng chưa thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để xác nhận các số dư này.

Công ty chưa thu thập được đầy đủ biên bản đối chiếu, xác nhận số dư công nợ phải thu, phải trả và vay ngắn hạn tại ngày 31/12/2014. Bằng các thủ tục kiểm toán thay thế chúng tôi cũng không thu thập được bằng chứng kiểm toán thích hợp để xác nhận số dư các khoản phải thu của khách hàng 17.156.790.216 VND; phải thu khác 7.447.737.749 VND; tạm ứng 2.298.411.000 VND; trả trước cho người bán 10.917.207.047 VND; vay ngắn hạn 509.000.000 VND; phải trả cho người bán 2.412.220.400 VND; người mua trả tiền trước 11.585.803.338 VND; các khoản phải trả, phải nộp khác 6.642.951.263 VND; được trình bày tại chỉ tiêu “Tài sản ngắn hạn” và “Nợ phải trả” tại ngày 31/12/2014 của bảng cân đối kế toán kèm theo.

Trong năm 2014, theo công văn 242/ĐTTM-DV ngày 10/08/2015 của Tổng Giám đốc Công ty gửi Sở Tài chính thành phố Hà Nội về việc góp vốn thành lập công ty cổ phần, Công ty đã ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư tại Công ty Cổ phần Interserco Mỹ Đình số tiền là 5.790.723.000 VND; tại Công ty Cổ phần Cung ứng Nhân lực và Thương mại Quốc tế số tiền là 5.352.503.000 VND; tại Công ty Cổ phần Thương mại Quốc tế Interserco Việt Nam số tiền là 30.194.925.000 VND. Đến thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán, Công ty chưa nhận được văn bản phê duyệt của chủ sở hữu đối với việc góp vốn bằng tài sản này. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến đối với số dư khoản đầu tư vào ba công ty con là Công ty Cổ phần Interserco Mỹ Đình, Công ty Cổ phần Cung ứng Nhân lực và Thương mại Quốc tế, Công ty Cổ phần Thương mại Quốc tế Interserco Việt Nam cũng như ảnh hưởng của chúng đến các chỉ tiêu khác tại ngày 31/12/2014 được trình bày trên bảng cân đối kế toán kèm theo.

Chúng tôi chưa được cung cấp thông tin và bằng chứng về tỷ lệ phần sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết tại các đơn vị nhận khoản đầu tư dài hạn của Công ty tại ngày 31/12/2014. Theo đó, chúng tôi không có cơ sở để kiểm tra tính chính xác trong việc phân loại các khoản đầu tư tài chính dài hạn của Công ty thành đầu tư vào công ty con, đầu tư vào công ty liên doanh liên kết và các khoản đầu tư dài hạn khác.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

### Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty TNHH MTV Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế tại ngày 31/12/2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến thuyết minh số 4.6 trong phần thuyết minh báo cáo tài chính về việc đầu tư dự án xây dựng Cảng nội địa ICD Mỹ Đình tại xã Đức Thượng, huyện Hoài Đức.

Chúng tôi lưu ý người đọc đến thuyết minh số 10 trong phần thuyết minh báo cáo tài chính, tài sản thiếu chờ xử lý của Công ty tại ngày 01/01/2014 và 31/12/2014 lần lượt là 5.187.902.229 VND và 5.824.038.113 VND.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.



**Trần Ngọc Anh**  
**Phó Tổng Giám đốc**  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:  
0487-2015-055-1  
**Thay mặt và đại diện**  
**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AN VIỆT**  
*Hà Nội, ngày 15 tháng 09 năm 2015*

**Đỗ Dương Tùng**  
**Kiểm toán viên**  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:  
2904-2015-055-1

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 36 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

MẪU B01 - DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100 = 110+120+130+140+150)	<b>100</b>		<b>315.855.828.266</b>	<b>334.020.802.944</b>
<b>I- Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>45.217.915.400</b>	<b>36.323.528.849</b>
1. Tiền	111		27.960.378.137	19.221.803.424
2. Các khoản tương đương tiền	112		17.257.537.263	17.101.725.425
<b>II- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>6</b>	<b>12.757.051.900</b>	<b>12.142.590.027</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		12.757.051.900	12.142.590.027
<b>III- Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>161.942.347.051</b>	<b>216.124.638.769</b>
1. Phải thu của khách hàng	131		104.904.359.712	102.342.741.284
2. Trả trước cho người bán	132		14.856.057.612	15.097.713.834
5. Các khoản phải thu khác	135	<b>7</b>	42.181.929.727	98.684.183.651
<b>IV- Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>8</b>	<b>66.802.424.147</b>	<b>45.934.105.997</b>
1. Hàng tồn kho	141		66.802.424.147	45.934.105.997
<b>V- Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>29.136.089.768</b>	<b>23.495.939.302</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		9.077.670	102.320.324
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		4.594.666.876	2.972.269.770
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	<b>9</b>	890.745.468	374.946.838
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	<b>10</b>	23.641.599.754	20.046.402.370
<b>B- TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200 = 220 + 250 + 260)	<b>200</b>		<b>207.610.615.036</b>	<b>206.377.397.219</b>
<b>II- Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>25.349.352.006</b>	<b>38.837.650.922</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	<b>11</b>	19.983.552.752	32.463.334.677
- Nguyên giá	222		50.358.719.964	64.422.298.855
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(30.375.167.212)	(31.958.964.178)
3. Tài sản cố định vô hình	227	<b>12</b>	395.549.668	416.501.626
- Nguyên giá	228		536.512.500	536.512.500
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(140.962.832)	(120.010.874)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	<b>13</b>	4.970.249.586	5.957.814.619
<b>IV- Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>181.726.672.296</b>	<b>166.676.339.212</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251	<b>14</b>	77.448.935.956	34.402.669.962
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	<b>15</b>	51.952.069.358	70.228.715.661
3. Đầu tư dài hạn khác	258	<b>16</b>	52.325.666.982	62.044.953.589
<b>V- Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>534.590.734</b>	<b>863.407.085</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	<b>17</b>	531.590.734	860.407.085
3. Tài sản dài hạn khác	268		3.000.000	3.000.000
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>523.466.443.302</b>	<b>540.398.200.163</b>



(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 36 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

MẪU B01 - DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
<b>A- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>193.601.864.975</b>	<b>186.673.135.188</b>
<b>I- Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>183.651.911.058</b>	<b>173.825.622.879</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	18	609.000.000	609.000.000
2. Phải trả cho người bán	312		52.561.137.841	49.598.566.416
3. Người mua trả tiền trước	313		13.295.279.694	11.673.957.338
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	19	9.448.914.948	4.489.331.970
5. Phải trả người lao động	315		1.776.820.049	1.161.613.591
6. Chi phí phải trả	316		2.116.538.317	2.019.495.298
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	20	100.757.078.321	104.960.607.949
11. Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323		3.087.141.888	(686.949.683)
<b>II- Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>9.949.953.917</b>	<b>12.847.512.309</b>
4. Vay và nợ dài hạn	334	21	9.949.953.917	12.847.512.309
<b>B- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>329.864.578.327</b>	<b>353.725.064.975</b>
<b>I- Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>22</b>	<b>329.864.578.327</b>	<b>353.725.064.975</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		338.671.953.640	296.214.008.767
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	1.312.648.013
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		13.508.974.308	11.398.444.079
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		-	1.588.391.371
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(23.700.359.093)	41.827.563.273
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		1.384.009.472	1.384.009.472
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)</b>	<b>440</b>		<b>523.466.443.302</b>	<b>540.398.200.163</b>

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
5. Ngoại tệ các loại				
USD			82.605,83	124.534,06
JPY			1.541.908,00	1.543.360,00

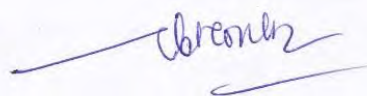
Hà Nội, ngày 15 tháng 09 năm 2015

Người lập biểu



Phùng Ngọc Dung

Kế toán trưởng



Trịnh Bích Hồng

Tổng Giám đốc



Phạm Văn Yên

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 36 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

MẪU B02 - DN

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Năm 2014

Đơn vị tính: VND

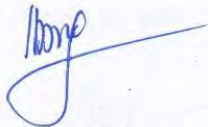
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2014	Năm 2013
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	23	157.365.009.175	168.169.541.536
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	23	11.628.881	788.104.150
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	23	157.353.380.294	167.381.437.386
4. Giá vốn hàng bán	11	24	145.923.551.844	145.263.294.824
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		11.429.828.450	22.118.142.562
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	4.331.387.410	8.024.089.170
7. Chi phí tài chính	22	26	1.844.310.157	3.437.873.705
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.158.066.116	653.265.106
8. Chi phí bán hàng	24		851.127.912	536.945.163
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		19.630.651.505	20.691.729.857
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}	30		(6.564.873.714)	5.475.683.007
11. Thu nhập khác	31	27	30.078.860.201	9.568.115.591
12. Chi phí khác	32	27	43.788.124.370	11.314.541.648
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	27	(13.709.264.169)	(1.746.426.057)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		(20.274.137.883)	3.729.256.950
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	28	-	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		(20.274.137.883)	3.729.256.950

Hà Nội, ngày 15 tháng 09 năm 2015

Người lập biểu

Kê toán trưởng

Tổng Giám đốc



Phùng Ngọc Dung



Trịnh Bích Hồng



Phạm Văn Yên

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 36 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

MẪU B03 - DN

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp trực tiếp)  
Năm 2014

Đơn vị tính: VND

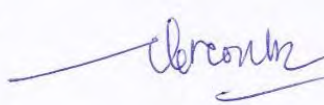
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2014	Năm 2013
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu	1		155.587.122.554	174.421.516.504
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	2		(159.541.349.351)	(137.222.219.070)
3. Tiền chi trả cho người lao động	3		(8.277.135.461)	(8.995.007.401)
4. Tiền chi trả lãi vay	4		(10.179.822)	(653.265.106)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	5		(1.644.233.708)	(3.167.532.401)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6		54.894.881.589	52.751.430.578
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7		(48.702.447.855)	(61.129.181.486)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(7.693.342.054)</b>	<b>16.005.741.618</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(13.667.413)	(511.773.622)
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(2.769.800.000)	(22.016.251.900)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị	24		222.793.955	31.909.154.153
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(1.165.000.000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		16.840.025.000	10.000.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		3.084.735.255	3.942.459.459
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>16.199.086.797</b>	<b>23.323.588.090</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		-	20.605.766.173
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		-	(43.872.599.599)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(79.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>-</b>	<b>(23.345.833.426)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>		<b>8.505.744.743</b>	<b>15.983.496.282</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		36.323.528.849	20.382.262.174
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		388.641.808	(42.229.607)
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>5</b>	<b>45.217.915.400</b>	<b>36.323.528.849</b>

Hà Nội, ngày 15 tháng 09 năm 2015

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc


Phùng Ngọc Dung

Trịnh Bích Hồng

Phạm Văn Yên

## **1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

### **Thông tin chung**

Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế (gọi tắt là "Công ty") được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước theo quyết định số 218/2005/QĐ-UB ngày 13/12/2005 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội.

Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế (tên cũ: Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Cung ứng Nhân lực và Thương mại Quốc tế Hà Nội) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100110052 chuyển từ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0104000354 đăng ký lần đầu ngày 20/02/2006, thay đổi lần thứ 13 ngày 15/05/2014 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Tên đầy đủ: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ QUỐC TẾ

Tên tiếng Anh: INTERNATIONAL INVESTMENT TRADE AND SERVICE COMPANY LIMITED

Tên viết tắt: INTERSERCO

Địa chỉ trụ sở chính: Số 17 Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.

Tên chủ sở hữu: Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của công ty: 454.000.000.000 đồng (Bốn trăm năm mươi tư tỷ đồng chẵn)

Đại diện theo pháp luật: Ông Phùng Tiến Toàn - Chủ tịch Hội Đồng Thành viên.

Các chi nhánh:

- Chi nhánh Công ty TNHH Nhà nước MTV Cung ứng Nhân lực và Thương mại Quốc tế Hà Nội. Địa chỉ : 1H Bà Triệu, phường 12, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh. Mã số chi nhánh: 0100110052-001;
- Trung tâm Mỹ thuật và Đầu tư Phát triển Văn hóa- Chi nhánh Công ty TNHH MTV Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế. Địa chỉ: 358 đường Láng, phường Thịnh Quang, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội. Mã số chi nhánh: 0100110052-003;
- Xí nghiệp Sản xuất và Thương mại Sơn Đồng- Chi nhánh Công ty TNHH Nhà nước MTV Cung ứng Nhân lực và Thương mại Quốc tế Hà Nội. Địa chỉ: Cùm 4, xã Sơn Đồng, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội. Mã số chi nhánh: 0100110052-005;

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**MÀU SỐ B 09 - DN**

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 36 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

**Hoạt động kinh doanh**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100110052 chuyển từ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0104000254, hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải; Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ logistic;
- Cung ứng và quản lý nguồn lao động (Không bao gồm giới thiệu, tuyển chọn cung ứng nhân lực cho các doanh nghiệp có chức năng xuất khẩu lao động và doanh nghiệp chỉ hoạt động được khi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp phép, không bao gồm hoạt động cung ứng lại lao động);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu; Chi tiết: Dịch vụ hàng tạm nhập tái xuất và quá cảnh; Kinh doanh bán hàng miễn thuế; Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;
- Sản xuất giày dép;
- Sản xuất đồ gỗ xây dựng;
- Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính;
- Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ;
- Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ, sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện;
- Dịch vụ liên quan đến in;
- Sản xuất linh kiện điện tử;
- Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng;
- Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác;
- Sản xuất giấy nhãn, bì nhãn, bao bì từ giấy và bì;
- In ấn;
- Xây dựng nhà các loại;
- Phá dỡ;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Xây dựng công trình công ích;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán mô tô, xe máy;
- Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy;
- Bán buôn tổng hợp;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát Karaoke, vũ trường);
- Dịch vụ ăn uống khác (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát Karaoke, vũ trường);
- Dịch vụ phục vụ đồ uống (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát Karaoke, vũ trường);
- Cổng thông tin (trừ hoạt động báo chí);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống);
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Đại lý, môi giới, đấu giá; Chi tiết: Đại lý, môi giới (không bao gồm môi giới bảo hiểm, chứng khoán, bất động sản và môi giới hôn nhân có yếu tố người nước ngoài);
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (trừ dược phẩm);

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

MẪU SỐ B 09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 36 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa phân vào đâu; Chi tiết: Bán buôn hóa chất khác (Trừ hóa chất Nhà nước cấm);
- Nhà hàng và dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Hoạt động của đại lý và môi giới bảo hiểm;
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất;
- Đại lý du lịch;
- Giáo dục nghề nghiệp;
- Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao) (Không bao gồm châm cứu, day ấn huyệt và xông hơi bằng thuốc y học cổ truyền);
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan;
- Quảng cáo;
- Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí;
- Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm (Không bao gồm giới thiệu, tuyển chọn, cung ứng nhân lực cho các doanh nghiệp có chức năng xuất khẩu lao động và doanh nghiệp chỉ hoạt động khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép, không bao gồm hoạt động cung ứng lại lao động);
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại;
- Khai khoáng thác chưa được phân vào đâu; Chi tiết: Kinh doanh, chế biến khoáng sản (Trừ loại khoáng sản Nhà nước cấm);
- Vận tải hành khách đường bộ khác; Chi tiết : Kinh doanh vận tải đa phương thức;  
*(Đối với những ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ hoạt động khi đáp ứng đủ điều kiện năng lực theo quy định của Pháp luật).*

**2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

Kỳ kế toán năm bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND).

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán: Báo cáo tài chính được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), được lập dựa trên các nguyên tắc kế toán phù hợp với quy định của chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành tại Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính, chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Hình thức sổ kế toán áp dụng: Nhật ký chung.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09 - DN**

*(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 36 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)*

#### **4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này:

##### **4.1. Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

##### **4.2. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó và được ghi nhận phù hợp với quy định của chuẩn mực kế toán Việt Nam số 24 - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

##### **4.3. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ**

Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ được thực hiện theo quy định của chuẩn mực kế toán Việt Nam (VAS) số 10 - Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái và Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24/10/2012 của Bộ Tài chính.

Trong năm, các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày phát sinh. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được phản ánh vào doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) và chi phí tài chính (nếu lỗ). Các tài sản dưới dạng tiền và công nợ (các khoản mục tiền tệ) bằng ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Chênh lệch tỷ giá đánh giá lại được phản ánh vào chênh lệch tỷ giá hối đoái và số dư được kết chuyển sang doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) hoặc chi phí tài chính (nếu lỗ) tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi tại thời điểm ngày 31/12/2014 là 21.380 VND/USD.

Các khoản tiền có gốc ngoại tệ đồng thời được theo dõi nguyên tệ trên sổ kế toán chi tiết và tài khoản 007 "Ngoại tệ các loại".

##### **4.4. Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi**

Dự phòng nợ khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ trên sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị giải thể, phá sản hay các khó khăn tương tự phù hợp với quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 36 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

**4.4. Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi (tiếp theo)**

Theo điều 9 - Xử lý về tài chính khi xác định giá trị doanh nghiệp và điều 10 - Xử lý tài chính thời điểm doanh nghiệp cổ phần hóa chính thức chuyển thành công ty cổ phần tại Thông tư số 127/2014/TT-BTC ngày 05/09/2014 về việc hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần, Công ty chưa xem xét trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi tại ngày 31/12/2014 do Công ty đang trong giai đoạn xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa.

**4.5. Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định theo giá gốc, trường hợp giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì hàng tồn kho được xác định theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Theo điều 9 - Xử lý về tài chính khi xác định giá trị doanh nghiệp và điều 10 - Xử lý tài chính thời điểm doanh nghiệp cổ phần hóa chính thức chuyển thành công ty cổ phần tại Thông tư số 127/2014/TT-BTC ngày 05/09/2014 về việc hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần, Công ty chưa xem xét trích lập dự phòng hàng tồn kho tại ngày 31/12/2014 do Công ty đang trong giai đoạn xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa.

**4.6. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được xác định theo giá gốc.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hình thành từ mua sắm và xây dựng chuyển giao là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với các quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính và Quyết định số 1173/QĐ-BTC ngày 21/5/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Thời gian tính khấu hao cụ thể của các loại tài sản như sau:

	<b>2014</b>
	<b>Số năm</b>
Nhà cửa vật kiến trúc	05 - 50
Máy móc, thiết bị	06 - 10
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	06 - 10
Thiết bị văn phòng	03 - 10
Các tài sản khác	04 - 25



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09 - DN**

*(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 36 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)*

**4.6. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao (tiếp theo)**

Theo Quyết định số 405/QĐ-UBND ngày 16/01/2014 và theo Thông báo số 176/TB-UBND ngày 15/08/2015 của Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội thì nguồn kinh phí đầu tư xây dựng cảng nội địa ICD Mỹ Đình tại xã Đức Thượng, huyện Hoài Đức từ nguồn vốn vay tín dụng 80%, 20% là vốn tự có của Công ty trong đó có lợi nhuận thu được từ chuyển đổi dự án của cảng hiện tại tại ICD Mỹ Đình và Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội yêu cầu dự án phải hoàn thành trong vòng 18 tháng. Tuy nhiên, một số tài sản cố định là nhà cửa, vật kiến trúc của Công ty vẫn được tính khấu hao cho thời gian sử dụng còn lại trên 18 tháng vì Công ty chưa tìm được đối tác để chuyển đổi Dự án của cảng này.

**4.7. Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được xác định theo giá gốc.

Tài sản cố định vô hình bao gồm phần mềm máy vi tính và quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất là các chi phí thực tế bỏ ra để có quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê đất tại Xí nghiệp Sản xuất và Thương mại Sơn Đồng.

Phần mềm máy vi tính được ghi nhận ban đầu theo giá mua, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng.

Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng phù hợp với các quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính và Quyết định số 1173/QĐ-BTC ngày 21/5/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

	<b>2014</b>
	<b>Số năm</b>
Quyền sử dụng đất	45
Phần mềm máy vi tính	03 - 08

**4.8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc khấu hao các tài sản này được áp dụng giống như đối với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**4.9. Các khoản đầu tư tài chính**

*Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư vào công ty con*

Khoản đầu tư vào công ty con được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua cộng các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, lệ phí, thuế và phí ngân hàng...

Các khoản thu nhập được chia từ công ty con (cổ tức, lợi nhuận) sau ngày đầu tư được phản ánh vào doanh thu hoạt động tài chính của Công ty. Các khoản khác nhận được ngoài cổ tức và lợi nhuận được chia sau ngày đầu tư từ công ty con được coi là phần thu hồi của khoản đầu tư và được ghi giảm giá gốc khoản đầu tư.

#### 4.9. Các khoản đầu tư tài chính (tiếp theo)

##### *Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư vào công ty liên kết*

Khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Các khoản thu nhập được chia từ công ty liên kết (cổ tức, lợi nhuận) sau ngày đầu tư được phản ánh vào doanh thu hoạt động tài chính theo nguyên tắc dồn tích. Các khoản khác nhận được ngoài cổ tức và lợi nhuận được chia sau ngày đầu tư từ công ty liên kết được coi là phần thu hồi của khoản đầu tư và được ghi giảm giá gốc khoản đầu tư.

##### *Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư ngắn hạn khác*

Các khoản đầu tư ngắn hạn bao gồm các khoản đầu tư bằng tiền hoặc hiện vật, các khoản cho vay có thời hạn không quá 12 tháng và các khoản tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn với thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn từ trên 03 tháng đến 12 tháng.

##### *Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư dài hạn khác*

Đầu tư dài hạn khác bao gồm các khoản đầu tư chứng khoán, góp vốn đầu tư vào các đơn vị khác... được ghi nhận theo nguyên tắc giá gốc (bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư). Sau ngày đầu tư, cổ tức, lợi nhuận được chia được phản ánh vào doanh thu hoạt động tài chính theo nguyên tắc dồn tích.

Các khoản đầu tư bằng hiện vật được ghi nhận theo giá thỏa thuận của các bên tham gia đầu tư.

Theo điều 9 - Xử lý về tài chính khi xác định giá trị doanh nghiệp và điều 10 - Xử lý tài chính thời điểm doanh nghiệp cổ phần hóa chính thức chuyển thành công ty cổ phần tại Thông tư số 127/2014/TT-BTC ngày 05/09/2014 về việc hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần, Công ty chưa xem xét trích lập dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính tại ngày 31/12/2014 do Công ty đang trong giai đoạn xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa.

#### 4.10. Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm chi phí sửa chữa lớn, chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác,... được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ trên 12 tháng trở lên. Các chi phí này được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 03 năm.

#### 4.11. Vốn chủ sở hữu

Nguồn vốn kinh doanh do Nhà nước đầu tư và được bổ sung từ lợi nhuận sau thuế của hoạt động kinh doanh.

Chênh lệch đánh giá lại tài sản phản ánh chênh lệch phát sinh từ việc đánh giá lại tài sản theo Quyết định số 5117/QĐ - UBND ngày 01/10/2009 của UBND thành phố Hà Nội (sáp nhập nguyên trạng số liệu cũ của Công ty Giày Hà Tây - nay là Xí nghiệp Sản xuất và Thương mại Sơn Đồng - chi nhánh của Công ty).

#### 4.12. Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

#### 4.12. Doanh thu (tiếp theo)

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro, lợi ích và quyền sở hữu hàng hóa được chuyển sang người mua, đồng thời, Công ty có thể xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm lãi tiền gửi, cổ tức, lợi nhuận được chia; lãi bán ngoại tệ, chênh lệch tỷ giá và doanh thu tài chính khác. Cụ thể như sau:

- Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.
- Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận theo thông báo của bên chia cổ tức, lợi nhuận.
- Lãi do bán ngoại tệ các loại (không bù trừ với lỗ bán ngoại tệ).
- Chênh lệch tỷ giá phản ánh các khoản thu nhập từ chênh lệch tỷ giá hối đoái thực tế phát sinh trong kỳ của các nghiệp vụ phát sinh có gốc ngoại tệ và lãi từ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

#### 4.13. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm lãi tiền vay, lỗ chênh lệch tỷ giá và chi phí tài chính khác. Cụ thể như sau:

- Lãi tiền vay được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên cơ sở số tiền vay và lãi suất vay thực tế từng kỳ thực tế (ngoại trừ chi phí đi vay đã được vốn hóa).
- Chênh lệch tỷ giá phản ánh các khoản chi phí từ chênh lệch tỷ giá hối đoái thực tế phát sinh trong kỳ của các nghiệp vụ phát sinh có gốc ngoại tệ và lỗ từ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

#### 4.14. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập hiện hành phản ánh số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp phát sinh trong năm và số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp bổ sung do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước. Thu nhập thuế thu nhập hiện hành phản ánh số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước.

Thu nhập tính thuế có thể khác với tổng lợi nhuận kế toán trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập tính thuế không bao gồm các khoản thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định nghĩa vụ về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

#### 4.15. Công cụ tài chính

*Ghi nhận ban đầu*

Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành tài sản

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09 - DN**

*(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 36 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)*

**4.15. Công cụ tài chính (tiếp theo)**

tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty xác định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.

Nợ phải trả tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính, nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định phân loại các nợ phải trả tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, nợ phải trả tài chính được xác định theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán, các khoản phải trả khác, các khoản vay và các công cụ tài chính phái sinh.

*Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại, chưa có quy định về việc xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu. Do đó, giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính được phản ánh theo giá gốc.

*Bù trừ các công cụ tài chính*

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán, nếu và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

**4.16. Bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan với Công ty nếu có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động hoặc có chung các thành viên quản lý chủ chốt hoặc cùng chịu sự chi phối của một công ty khác.

Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty, kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này (bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị em ruột).

Các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty: những người lãnh đạo, các nhân viên quản lý của Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.

Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu ở trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc thông qua việc này người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty, bao gồm những doanh nghiệp được sở hữu bởi những người lãnh đạo hoặc các cổ đông chính của Công ty và những doanh nghiệp có chung một thành viên quản lý chủ chốt với Công ty.

Thông tin với các bên liên quan được trình bày tại thuyết minh số 30.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU B09 - DN**

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 36 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

**5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tiền mặt	13.910.969.912	9.178.868.524
Tiền gửi ngân hàng	14.049.408.225	10.042.934.900
Các khoản tương đương tiền (*)	17.257.537.263	17.101.725.425
<b>Cộng</b>	<b>45.217.915.400</b>	<b>36.323.528.849</b>

(\*) Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng và 2 tháng tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển thành phố Hồ Chí Minh (HDBank) và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank).

**6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn khác (*)	12.757.051.900	12.142.590.027
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	-	-
<b>Cộng</b>	<b>12.757.051.900</b>	<b>12.142.590.027</b>

Các khoản đầu tư ngắn hạn khác là các khoản cho vay ngắn hạn bao gồm:

	31/12/2014		01/01/2014	
	Số lượng	Số tiền (VND)	Số lượng	Số tiền (VND)
Hợp đồng điện nhẹ với Công ty Cổ phần Điện tử Giảng Võ		6.917.251.900		6.917.251.900
Công ty Din - Interserco		799.800.000		-
Công ty Cổ phần Thương mại Quốc tế Interserco Việt Nam		3.740.000.000		3.740.000.000
Trường Nhân lực Quốc tế cơ sở 2		1.300.000.000		1.300.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng		-		195.635.492
Hợp đồng bánh kẹo với Greenlife lô 1		-		(10.297.365)
		<b>12.757.051.900</b>		<b>12.142.590.027</b>

Thông tin bổ sung về các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

Các khoản đầu tư	Ngày hợp đồng		Ngày hết hạn	Tình trạng thu hồi
Hợp đồng điện nhẹ với Công ty Cổ phần Điện tử Giảng Võ	26/04/2013	6 tháng sau khi ký hợp đồng, hoặc kéo dài hơn do yêu cầu công việc		Chưa thu hồi được
Công ty Din - Interserco	01/04/2014	Không quá 2 tháng kể từ ngày 25/4/2014		Chưa thu hồi được
Công ty Cổ phần Thương mại Quốc tế Interserco Việt Nam	30/11/2012	7 tháng sau khi ký hợp đồng		Chưa thu hồi được
Trường Nhân lực Quốc tế cơ sở 2	1 tỷ ngày 09/06/2010; 300 triệu ngày 14/06/2010	1 tỷ ngày 09/06/2016; 300 triệu ngày 14/06/2016		Chưa đến hạn thu hồi

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU B09 - DN**

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 36 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

**7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	<b>31/12/2014</b>	<b>01/01/2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Phải thu từ cơ quan bảo hiểm xã hội	3.189	2.510
Phải thu khác	42.181.926.538	98.684.181.141
<i>Công ty Cổ phần Logistics hàng không</i>	<i>3.410.000.000</i>	<i>5.500.000.000</i>
<i>Công ty Cổ phần Thương mại Quốc tế Interserco Việt Nam</i>	<i>4.724.644.475</i>	<i>40.293.618.076</i>
<i>Công ty Cổ phần Cảng Hồng Hà</i>	<i>6.575.993.883</i>	<i>5.010.813.058</i>
<i>Công ty Cổ phần Interserco Mỹ đình</i>	<i>914.119.573</i>	<i>-</i>
<i>Công ty Cổ phần điện tử Giảng Võ</i>	<i>5.147.414.321</i>	<i>5.057.414.321</i>
<i>Trường Nhân lực Quốc tế cơ sở 2</i>	<i>2.097.240.000</i>	<i>2.097.240.000</i>
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Quốc tế</i>	<i>1.501.127.909</i>	<i>-</i>
<i>Công ty Cổ phần Cung ứng nhân lực và Thương mại Quốc tế</i>	<i>1.070.497.794</i>	<i>246.848.366</i>
<i>Công ty TNHH Nước tinh khiết Hà Nội</i>	<i>45.455</i>	<i>-</i>
<i>Công ty TNHH TARAZ - INTERSERCO</i>	<i>126.956.414</i>	<i>-</i>
<i>Công ty TNHH Xăng dầu Housinco</i>	<i>20.000.000</i>	<i>20.000.000</i>
<i>Chi nhánh công ty tại thành phố Hồ Chí Minh</i>	<i>-</i>	<i>88.000.000</i>
<i>Trịnh Quang Chiến</i>	<i>3.000.000.000</i>	<i>3.000.000.000</i>
<i>Phạm Thành Trí</i>	<i>70.000.000</i>	<i>70.000.000</i>
<i>Trịnh Bích Hồng</i>	<i>4.800.000.000</i>	<i>9.600.000.000</i>
<i>Nguyễn Minh Hào</i>	<i>346.315.926</i>	<i>346.315.926</i>
<i>Trần Trung Chính</i>	<i>819.273.889</i>	<i>819.273.889</i>
<i>Nguyễn Hồng Thao</i>	<i>273.057.963</i>	<i>273.057.963</i>
<i>Đào Kim Giang</i>	<i>-</i>	<i>410.605.600</i>
<i>Vũ Thị Hải Hà</i>	<i>844.896</i>	<i>131.844.896</i>
<i>Nguyễn Thúy Hạnh</i>	<i>-</i>	<i>241.050.000</i>
<i>Phạm Thanh Hiền</i>	<i>-</i>	<i>24.000.000</i>
<i>Nguyễn Thị Ngọc Huyền</i>	<i>-</i>	<i>160.430.000</i>
<i>Nguyễn Văn Tân</i>	<i>-</i>	<i>20.042.998</i>
<i>Công ty Xây lắp và Xuất nhập khẩu số 1 Hà Nội</i>	<i>66.383.000</i>	<i>66.383.000</i>
<i>Công ty Xây dựng số 3</i>	<i>33.384.000</i>	<i>33.384.000</i>
<i>Công ty Đầu tư và Xây dựng Hà Nội</i>	<i>3.488.112</i>	<i>3.488.112</i>
<i>Bộ Công an</i>	<i>6.450.000</i>	<i>6.450.000</i>
<i>Tổng công ty Đầu tư và Phát triển nhà Hà Nội</i>	<i>6.338.000</i>	<i>6.338.000</i>
<i>Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình văn hóa</i>	<i>50.356.000</i>	<i>50.356.000</i>
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển nhà Hà Nội</i>	<i>43.357.000</i>	<i>43.357.000</i>
<i>Công ty TNHH Dữ liệu Kiến trúc sư</i>	<i>3.839.000</i>	<i>3.839.000</i>
<i>Công ty tư vấn xây dựng dân dụng Hà Nội</i>	<i>159.598</i>	<i>159.598</i>
<i>Đối tượng khác</i>	<i>7.070.639.330</i>	<i>25.059.871.338</i>
<b>Cộng</b>	<b>42.181.929.727</b>	<b>98.684.183.651</b>

Chi tiết các khoản nợ phải thu quá hạn tại ngày 31/12/2014 của Công ty như sau

	<b>Từ 6 tháng đến dưới 1 năm</b>	<b>Từ 1 năm đến dưới 2 năm</b>	<b>Từ 2 năm đến dưới 3 năm</b>	<b>Từ 3 năm trở lên</b>
Phải thu khác	2.955.420.732	6.480.430.164	21.207.946.574	346.705.126
	<b>2.955.420.732</b>	<b>6.480.430.164</b>	<b>21.207.946.574</b>	<b>346.705.126</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU B09 - DN**

*(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 36 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)*

**8. HÀNG TỒN KHO**

	<b>31/12/2014</b>	<b>01/01/2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Nguyên liệu, vật liệu	-	48.029.422
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	9.991.627.772	3.966.992.474
Hàng hóa	56.810.796.375	41.919.084.101
<b>Cộng</b>	<b>66.802.424.147</b>	<b>45.934.105.997</b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(-)	(-)
<b>Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho</b>	<b>66.802.424.147</b>	<b>45.934.105.997</b>

**9. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN KHÁC PHẢI THU NHÀ NƯỚC**

	<b>31/12/2014</b>	<b>01/01/2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp	837.670.021	337.188.715
Các khoản khác phải thu nhà nước	53.075.447	37.758.123
<b>Cộng</b>	<b>890.745.468</b>	<b>374.946.838</b>

**10. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC**

	<b>31/12/2014</b>	<b>01/01/2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tài sản thiếu chờ xử lý (*)	5.824.038.113	5.187.902.229
Tạm ứng	16.817.561.641	14.858.500.141
Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.000.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>23.641.599.754</b>	<b>20.046.402.370</b>

(\*) bao gồm

Hợp đồng đá subbase (1)	483.215.750	-
Hợp đồng xe ô tô (2)	5.340.822.363	5.187.902.229
	<b>5.824.038.113</b>	<b>5.187.902.229</b>

(1) Công ty có thực hiện mua bán hợp đồng đá nhưng trong quá trình thực hiện khách mua đã tự ý huỷ hợp đồng. Do đó, lô hàng này được gửi tại bãi của người bán (có biên bản xác nhận). Sau đó, Công ty đã tìm khách hàng để thực hiện bán lô hàng này, đã có nhiều giao dịch nhưng không thành công. Nay, trải qua thời gian dài hàng đã bị vương vãi nhiều, vì lý do hàng đá gửi tại bãi, xe ô tô đi qua lại để nhập hàng nhiều nên khối lượng phân bị thiếu hụt phân bị lún xuống đất theo thời gian.

(2) Công ty có kinh doanh nhập khẩu lô hàng ô tô du lịch từ năm 2004-2005, bản chất của lô hàng này là theo hình thức uỷ thác vì giao dịch và đàm phán thoả thuận các điều khoản trong hợp đồng ngoại thương với các đối tác nước ngoài do Công ty TNHH Nhật Đức trực tiếp giao dịch. Công ty chỉ đứng trên danh nghĩa hợp đồng ngoại thương với đối tác nước ngoài và làm thủ tục nhập khẩu và thanh toán với nước ngoài qua Ngân hàng theo sự chỉ định của Công ty TNHH Nhật Đức.

Khi hàng về cảng công ty giao hồ sơ ô tô cho khách sau đó khách hàng trực tiếp đi nhận hàng tại cảng. Thực hiện xong các thủ tục hải quan và thông quan hàng, Công ty làm biên bản bàn giao hàng cho khách (Công ty TNHH Nhật Đức) nên kế toán chỉ theo dõi trên sổ nhưng thực tế không có hàng trong kho.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 36 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

**11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Cộng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
<b>Tại ngày 01/01/2014</b>	<b>51.046.641.267</b>	<b>2.507.730.682</b>	<b>10.439.899.893</b>	<b>234.364.281</b>	<b>193.662.732</b>	<b>64.422.298.855</b>
<b>Tăng trong năm</b>	<b>468.212.868</b>	-	-	-	-	<b>468.212.868</b>
Tăng do xây dựng cơ bản hoàn thành	468.212.868	-	-	-	-	468.212.868
<b>Giảm trong năm</b>	<b>12.044.727.530</b>	<b>759.183.150</b>	<b>1.500.690.066</b>	<b>183.404.281</b>	<b>43.786.732</b>	<b>14.531.791.759</b>
Góp vốn vào công ty con	11.752.564.584	-	-	-	-	11.752.564.584
Thanh lý, nhượng bán	292.162.946	759.183.150	1.500.690.066	183.404.281	-	2.735.440.443
Giảm khác	-	-	-	-	43.786.732	43.786.732
<b>Tại ngày 31/12/2014</b>	<b>39.470.126.605</b>	<b>1.748.547.532</b>	<b>8.939.209.827</b>	<b>50.960.000</b>	<b>149.876.000</b>	<b>50.358.719.964</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>						
<b>Tại ngày 01/01/2014</b>	<b>24.175.863.972</b>	<b>1.145.248.249</b>	<b>6.280.999.579</b>	<b>189.585.542</b>	<b>167.266.836</b>	<b>31.958.964.178</b>
<b>Tăng trong năm</b>	<b>3.405.305.172</b>	<b>335.373.391</b>	<b>1.403.192.401</b>	<b>8.494.129</b>	<b>13.276.296</b>	<b>5.165.641.389</b>
Khấu hao trong năm	3.405.305.172	335.373.391	1.403.192.401	8.494.129	13.276.296	5.165.641.389
<b>Giảm trong năm</b>	<b>4.672.356.282</b>	<b>558.832.210</b>	<b>1.291.058.850</b>	<b>183.404.281</b>	<b>43.786.732</b>	<b>6.749.438.355</b>
Góp vốn vào công ty con	4.380.193.336	-	-	-	-	4.380.193.336
Thanh lý, nhượng bán	292.162.946	558.832.210	1.291.058.850	183.404.281	-	2.325.458.287
Giảm khác	-	-	-	-	43.786.732	43.786.732
<b>Tại ngày 31/12/2014</b>	<b>22.908.812.862</b>	<b>921.789.430</b>	<b>6.393.133.130</b>	<b>14.675.390</b>	<b>136.756.400</b>	<b>30.375.167.212</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
<b>Tại ngày 01/01/2014</b>	<b>26.870.777.295</b>	<b>1.362.482.433</b>	<b>4.158.900.314</b>	<b>44.778.739</b>	<b>26.395.896</b>	<b>32.463.334.677</b>
<b>Tại ngày 31/12/2014</b>	<b>16.561.313.743</b>	<b>826.758.102</b>	<b>2.546.076.697</b>	<b>36.284.610</b>	<b>13.119.600</b>	<b>19.983.552.752</b>

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết còn sử dụng tại ngày 31/12/2014 là 10.549.067.336 VND.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU B09 - DN**

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 36 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

**12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

Đơn vị tính: VND

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Cộng
<b>NGUYỄN GIÁ</b>			
Tại ngày 01/01/2014	486.512.500	50.000.000	536.512.500
Tại ngày 31/12/2014	486.512.500	50.000.000	536.512.500
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Tại ngày 01/01/2014	115.279.692	4.731.182	120.010.874
Khấu hao trong năm	10.951.958	10.000.000	20.951.958
Tại ngày 31/12/2014	126.231.650	14.731.182	140.962.832
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại ngày 01/01/2014	371.232.808	45.268.818	416.501.626
Tại ngày 31/12/2014	360.280.850	35.268.818	395.549.668

**13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Dự án điểm thông quan tại Đức Thượng	454.779.091	454.779.091
Lắp đặt dây chuyền máy ép sản xuất viên gỗ Đức Nhật	4.515.470.495	5.393.014.495
Văn phòng làm việc tại 358 Đường Láng	-	110.021.033
<b>Cộng</b>	<b>4.970.249.586</b>	<b>5.957.814.619</b>

**14. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON**

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Đầu tư vào các công ty con	77.448.935.956	34.402.669.962
<b>Cộng</b>	<b>77.448.935.956</b>	<b>34.402.669.962</b>

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty tại ngày 31/12/2014 như sau:

Tên Công ty con	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Vốn điều lệ VND	Số tiền VND
Công ty Cổ phần Cảng Hồng Hà			11.060.000.000	5.640.600.000
Công ty Cổ phần Điện tử Giảng Võ			36.000.000.000	23.474.500.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Quốc tế			16.000.000.000	5.508.335.227
Công ty Cổ phần Interserco Mỹ Đình			10.000.000.000	6.684.683.815
Công ty Cổ phần Cung ứng Nhân lực và Thương mại Quốc tế			5.000.000.000	5.945.891.914
Công ty Cổ phần Thương mại Quốc tế Interserco Việt Nam			45.000.000.000	30.194.925.000
<b>Cộng</b>				<b>77.448.935.956</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU B09 - DN**

*(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 36 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)*

**14. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON (TIẾP THEO)**

Thông tin về Công ty con có lỗi trong năm 2014 hoặc lỗ lũy kế tại 31/12/2014.

<u>Tên Công ty</u>	<u>Lãi năm 2014</u>	<u>Lỗ lũy kế tại 31/12/2014</u>	<u>Cơ sở dữ liệu</u>
Công ty Cổ phần Điện tử Giảng Võ	5.824.817.951	(5.522.629.066)	Báo cáo thuế

**15. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT, LIÊN DOANH**

	<u>31/12/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Đầu tư vào các công ty liên kết	51.952.069.358	70.228.715.661
<b>Cộng</b>	<b>51.952.069.358</b>	<b>70.228.715.661</b>

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết, liên doanh của Công ty tại ngày 31/12/2014 như sau:

<u>Tên Công ty liên doanh, liên kết</u>	<u>Tỷ lệ phần sở hữu %</u>	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết %</u>	<u>Vốn điều lệ VND</u>	<u>Số tiền VND</u>
<b>Công ty liên kết</b>				
Công ty Cổ phần Logistics hàng không			100.000.000.000	18.277.600.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Quốc tế			198.000.000.000	9.594.973.518
Công ty Cổ phần Dịch vụ sân bay			96.000.000.000	1.200.000.000
Công ty TNHH Khai thác và chế biến đá An Bình - Yên Bái			50.000.000.000	4.195.000.000
Công ty Cổ phần Tây Tây Bắc			10.000.000.000	682.744.908
Công ty Cổ phần Giao nhận Kho vận VIDIFI-Interserco Lào Cai			30.000.000.000	4.940.000.000
Công ty TNHH Interserco Cao Bằng			8.000.000.000	384.000.000
Công ty Cổ phần Interserco - CB			40.000.000.000	1.250.000.000
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ DIN-Interserco Việt Nam			3.000.000.000	900.000.000
Công ty Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế Hải Phòng			6.000.000.000	1.125.000.000
Công ty Cổ phần Interserco 19			6.000.000.000	200.000.000
Công ty May Liên doanh Plumy			832.259,94 USD	3.920.787.063
Trường trung cấp nghề Nhân lực Quốc tế			15.000.000.000	5.281.963.869
<b>Cộng</b>				<b>51.952.069.358</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU B09 - DN**

*(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 36 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)*

**15. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT, LIÊN DOANH (TIẾP THEO)**

Thông tin về Công ty liên kết, liên doanh có lỗi trong năm 2014 hoặc lỗ lũy kế tại 31/12/2014.

Tên Công ty	Lãi, lỗ năm 2014	Lỗ lũy kế tại		Cơ sở dữ liệu
		31/12/2014		
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Quốc tế	(9.195.229)	(5.636.450.051)		Báo cáo tài chính
Công ty TNHH Khai thác và chế biến đá An Bình	(2.891.853)	(394.346.923)		Báo cáo tài chính
Công ty Cổ phần Tây Tây Bắc	(2.000.000)	(20.560.285)		Báo cáo tài chính
Công ty Cổ phần Giao nhận Kho vận VIDIFI-Interserco Lào Cai	(851.211.362)	19.704.551		Báo cáo tài chính
Công ty TNHH Interserco -CB	(499.099.436)	(2.971.183.288)		Báo cáo tài chính
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ DIN-Interserco Việt Nam	(705.287.454)	(983.518.777)		Báo cáo tài chính
Công ty Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế Hải Phòng	27.500.000	(85.682.936)		Báo cáo tài chính
Công ty Cổ phần Interserco 19	(81.113.776)	(239.613.100)		Báo cáo tài chính
Công ty May Liên doanh Plumy	(27.094.616.896)	(115.020.230.817)		Báo cáo tài chính
Trường trung cấp nghề Nhân lực Quốc tế	(697.229.949)	(2.807.372.408)		Báo cáo tài chính
Công ty Cổ phần Thương mại Quốc tế Interserco Việt Nam	(361.723.089)	(1.940.327.965)		Báo cáo tài chính

**16. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Đầu tư dài hạn khác	52.325.666.982	62.044.953.589
<b>Cộng</b>	<b>52.325.666.982</b>	<b>62.044.953.589</b>

Thông tin chi tiết về các khoản đầu tư dài hạn khác của Công ty như sau:

	31/12/2014		01/01/2014	
	Số lượng	Số tiền ( VND)	Số lượng	Số tiền ( VND)
Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế - Interfoods		730.000.000		730.000.000
Dự án khu vườn sinh thái Cẩm Đình		41.169.463.095		41.169.463.095
Công ty Khai thác khoáng sản Interserco An Bình		2.000.000.000		2.000.000.000
Công ty Cổ phần Cảng Hồng Hà		2.397.037.221		3.830.470.710
Hợp đồng thuê chợ Tà Lùng		-		155.828.118
Công ty Cổ phần thủy điện Sứ Pán I		5.064.166.666		5.064.166.666
Đất Xuân Đình		-		9.095.025.000
Công ty Đầu tư Công nghiệp Hóa chất Lào Cai		300.000.000		-
Công ty Cổ phần Kinh doanh Dịch vụ Interserco Hà Nội		125.000.000		-
Công ty Cổ phần Tập đoàn đầu tư Tài chính, Vàng Việt Nam		540.000.000		-
		<b>52.325.666.982</b>		<b>62.044.953.589</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU B09 - DN**

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 36 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

**17. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Công cụ, dụng cụ	405.593.902	346.716.156
Chi phí trả trước dài hạn khác	125.996.832	513.690.929
<b>Cộng</b>	<b>531.590.734</b>	<b>860.407.085</b>

**18. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
<b>Vay ngắn hạn</b>		
Công ty TNHH Xây dựng Thanh Hoa	100.000.000	100.000.000
Khoản vay của Trung tâm Mỹ thuật và Đầu tư phát triển văn hóa	509.000.000	509.000.000
<b>Cộng</b>	<b>609.000.000</b>	<b>609.000.000</b>

**19. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	2.363.174.108	3.091.498.825
Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	14.584.615
Thuế thu nhập doanh nghiệp	21.075.996	21.075.996
Thuế thu nhập cá nhân	156.993.123	147.543.105
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	6.039.592.768	361.867.800
Các loại thuế khác	43.094.927	850.757.184
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	824.984.026	2.004.445
<b>Cộng</b>	<b>9.448.914.948</b>	<b>4.489.331.970</b>

**20. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP KHÁC**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	22.234.919	25.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	100.734.843.402	104.935.607.949
Ông Nguyễn Khắc Hiếu (*)	4.637.600.000	-
Hợp đồng sấm	-	14.000.000
Công ty Cổ phần cà phê Mê Trang	10.000.000	10.000.000
Công ty Cổ phần đầu tư Lâm Việt	280.450.500	280.450.500
Công ty TNHH MTV XNK du lịch và đầu tư Hồ Gươm	25.047.000	-
Công ty Cổ phần ô tô con đường mới	180.000.000	165.000.000
Công ty TNHH MTV vận tải Trans Van Links	-	82.469.400
Công ty TNHH Lựa chọn hoàn hảo	-	1.018.994.057
Công ty CP tư vấn Quốc tế Phương Đông	-	19.989.000
Công ty CP tập đoàn đầu tư và công nghệ AG	-	20.000.000
Công ty CP giao nhận Quốc tế Bến Hải	-	20.000.000
Công ty CP dược phẩm B&Q Việt Nam	-	10.987.000
Công ty CP Đầu tư và Dịch vụ kho vận A+	-	3.414.500
Công ty Cổ phần XNK An Sinh	-	8.000.000
Công ty Cổ phần Interserco Cao Bằng	-	1.897.069.207
Công ty Glorious	954.750.000	954.750.000

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU B09 - DN**

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 36 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

**20. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP KHÁC (TIẾP THEO)**

	<b>31/12/2014</b>	<b>01/01/2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty Cổ phần Interserco 19	-	213.159.785
Công ty Thanh Bình	-	429.264.500
Trung tâm cung ứng và Xuất khẩu lao động	102.663.800	102.663.800
Phùng Tiến Toàn - Góp vốn vào VIDIFI	2.000.000.000	2.000.000.000
Vũ Thanh Hải - Đất Cắm Đình	100.000.000	100.000.000
Phùng Tiến Toàn - Đất Cắm Đình	100.000.000	100.000.000
Đặng Tài Hùng	100.000.000	100.000.000
Phạm Văn Yên	100.000.000	100.000.000
Từ Viết Kha	100.000.000	100.000.000
Trịnh Bích Hồng	100.000.000	100.000.000
Lê Bích Ngọc	100.000.000	100.000.000
Đỗ Thị Kim Anh	100.000.000	100.000.000
Phạm Đức Hạnh	2.000.000.000	2.000.000.000
Lê Thị Hương	200.000.000	200.000.000
Ngô Thị Thanh Thức	250.000.000	250.000.000
Ngô Hữu Châu	100.000.000	100.000.000
Lý Ngọc Thái	-	250.000.000
Nguyễn Thị Thanh	-	200.000.000
Khách hàng chuyển nhằm TK - Inter MĐ	-	4.162.494
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Tổng hợp Hòa Phát	-	100.000.000
Công ty Cổ phần xây dựng thương mại Phú Thịnh	-	26.400.550
Công ty TNHH TNT Việt Nam	-	21.094.450
Công ty Cổ phần Thương mại Quốc tế Interserco Việt Nam	-	19.423.421.880
Nguyễn Tuấn Anh	-	150.000.000
Ngân hàng ĐT và PT Việt Nam - CN Hà tây	189.545.619	189.545.619
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn-CN Hoài Đức	94.250.000	94.250.000
Ngân hàng phát triển Việt Nam	24.548.707.414	23.400.812.120
Tạm ứng ngân sách Tỉnh	90.000.000	90.000.000
Quỹ Cổ phần hoá của Tỉnh	271.960.000	271.960.000
Công ty TNHH MTV Thương mại Sản xuất Dịch vụ Cân Huy Hoàng	-	4.747.000.000
Lê Tấn Bình	10.280.000.000	8.180.000.000
Nguyễn Huy Hoàng	11.247.000.000	-
Lâm Xương Vinh	1.300.000.000	1.300.000.000
Huỳnh Bích Huệ	19.750.000.000	16.300.000.000
Trần Hoàng Yên	2.900.000.000	1.900.000.000
Trần Thị Tố Trâm	4.250.000.000	3.250.000.000
Trương Bình Hiền	6.040.000.000	5.040.000.000
Đào Thủy Dương	1.700.000.000	1.700.000.000
Các đối tượng khác	6.532.869.069	7.696.749.087
<b>Cộng</b>	<b>100.757.078.321</b>	<b>104.960.607.949</b>

(\*) Đây là khoản phải trả Ông Nguyễn Khắc Hiếu theo hợp đồng ủy thác đầu tư mua cổ phần số 111/2014/INTER-UTĐT ngày 05/12/2014 giữa Công ty (bên nhận ủy thác) và Ông Nguyễn Khắc Hiếu (bên ủy thác). Theo hợp đồng này, trong thời hạn ủy thác, Ông Nguyễn Khắc Hiếu vẫn được quyền hưởng toàn bộ các quyền lợi và phải thực hiện các nghĩa vụ tài chính phát sinh từ số cổ phần được mua này (463.760 cổ phần).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU B09 - DN**

*(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 36 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)*

**21. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN**

	<b>31/12/2014</b>	<b>01/01/2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Vay dài hạn	9.949.953.917	11.549.953.917
- Vay ngân hàng Phát triển Việt Nam - Sở giao dịch I (*)	9.450.000.000	11.050.000.000
- Vay chi nhánh ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và phát triển Hà Tây (**)	499.953.917	499.953.917
Nợ dài hạn	-	1.297.558.392
- Nợ dài hạn khác	-	1.297.558.392
<b>Cộng</b>	<b>9.949.953.917</b>	<b>12.847.512.309</b>

(\*) Khoản vay theo Hợp đồng kế thừa quyền và nghĩa vụ hợp đồng cho vay vốn tín dụng đầu tư phát triển số 73/2009/HĐKT/HĐTD ký ngày 31/10/2009 giữa Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Sở giao dịch I và Công ty TNHH Nhà nước MTV Cung ứng nhân lực và Thương mại quốc tế Hà Nội. Theo đó, hai bên tiếp tục thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chi nhánh Ngân hàng Phát triển Hà Tây (nay là Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Sở giao dịch I) và Công ty Giấy Hà Tây (nay sáp nhập vào Công ty TNHH Nhà nước MTV Cung ứng nhân lực và Thương mại quốc tế Hà Nội) theo Hợp đồng vay vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước số 01-1998/HĐTD ngày 24/06/1998 và được giao cho Xí nghiệp Sản xuất và Thương mại Sơn Đồng quản lý; Phụ lục điều chỉnh Hợp đồng số 01/ĐC ngày 22/11/2000 và Hợp đồng tín dụng số 05-1999/HĐTD ngày 22/11/2000; Phụ lục điều chỉnh hợp đồng tín dụng số 02/2004/HĐĐC-KN ngày 24/09/2004; Khế ước nhận nợ số 01 ngày 24/06/1998 và Khế ước nhận nợ ngày 22/11/2000. Tổng số vốn đã giải ngân đến 31/10/2009 là 17.000.000.000 VND, bao gồm:

- Số vốn vay theo hợp đồng tín dụng số 01-1998/HĐTD ngày 24/06/1998; Phụ lục điều chỉnh Hợp đồng số: 01/ĐC ngày 22/11/2000: 14.000.000.000 VND, lãi suất: 9,72%/năm, thời hạn trả nợ: 95 tháng;

- Số vốn vay theo Hợp đồng tín dụng số 05-1999/HĐTD ngày 22/11/2000 là 3.000.000.000 VND, lãi suất: 7%/năm, lãi suất quá hạn: bằng 130% lãi suất nợ trong hạn, thời hạn vay vốn: 82 tháng bắt đầu từ tháng 11/2000, thời hạn trả nợ gốc: 80 tháng, bắt đầu trả nợ từ tháng 01/2001.

(\*\*) Là số tiền nợ gốc của Xí nghiệp Tơ tằm Đan Hoài (năm 1997 bàn giao nguyên trạng sang Công ty Giấy Hà Tây, nay bàn giao sang Công ty TNHH MTV Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế) vay Chi nhánh Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Hà Tây (nay là Chi nhánh Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Hà Tây) mục đích vay vốn phục vụ sản xuất kinh doanh.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 36 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

MẪU B09 - DN

**22. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Nguồn vốn đầu tư XDCB	Đơn vị tính: VND Cộng
<b>Tại ngày 01/01/2013</b>	<b>262.034.419.814</b>	-	<b>11.398.444.079</b>	<b>1.588.391.371</b>	<b>63.649.603.801</b>	<b>1.384.009.472</b>	<b>340.054.868.537</b>
Tăng vốn trong năm	34.179.588.953	-	-	-	-	-	34.179.588.953
Lãi trong năm	-	-	-	-	3.755.066.883	-	3.755.066.883
Tăng khác	-	1.312.648.013	-	-	6.850.946.000	-	8.163.594.013
Giảm khác	-	-	-	-	(32.428.053.411)	-	(32.428.053.411)
<b>Tại ngày 31/12/2013</b>	<b>296.214.008.767</b>	<b>1.312.648.013</b>	<b>11.398.444.079</b>	<b>1.588.391.371</b>	<b>41.827.563.273</b>	<b>1.384.009.472</b>	<b>353.725.064.975</b>
<b>Tại ngày 01/01/2014</b>	<b>296.214.008.767</b>	<b>1.312.648.013</b>	<b>11.398.444.079</b>	<b>1.588.391.371</b>	<b>41.827.563.273</b>	<b>1.384.009.472</b>	<b>353.725.064.975</b>
Tăng vốn trong năm (1)	103.895.688	-	-	-	(103.895.688)	-	-
Lỗ trong năm	-	-	-	-	(20.274.137.883)	-	(20.274.137.883)
Góp vốn bằng tài sản vào các công ty con (2)	3.770.711.675	-	-	-	-	-	3.770.711.675
Phân phối lợi nhuận (3)	35.573.951.469	-	2.110.530.229	(794.843.159)	(41.739.563.273)	-	(4.849.924.734)
Tăng khác (4)	903.189.816	-	-	-	752.374.475	-	1.655.564.291
Giảm khác (5)	-	-	-	-	(3.018.947.595)	-	(3.018.947.595)
Truy thu thuế TNDN các năm 2010, 2011, 2012	-	-	-	-	(1.143.752.402)	-	(1.143.752.402)
Chuyển số dư quỹ dự phòng tài chính vào vốn đầu tư của chủ sở hữu	793.548.212	-	-	(793.548.212)	-	-	-
Chuyển số dư chênh lệch đánh giá lại tài sản vào vốn đầu tư của chủ sở hữu	1.312.648.013	(1.312.648.013)	-	-	-	-	-
<b>Tại ngày 31/12/2014</b>	<b>338.671.953.640</b>	-	<b>13.508.974.308</b>	-	<b>(23.700.359.093)</b>	<b>1.384.009.472</b>	<b>329.864.578.327</b>

(1) Tăng vốn đầu tư 103.895.688 VND từ việc chuyển nhượng khoản đầu tư vào Công ty TNHH Xây dựng và vật liệu xây dựng SunWay Hà Tây.

(2) Tăng vốn do bàn giao tài sản và công nợ góp vốn với Công ty Cổ phần Cung ứng Nhân lực và Thương mại Quốc tế và Công ty Cổ phần Interserco Mỹ Đình.

(3) Công ty đang phân phối lợi nhuận như sau: Tăng quỹ đầu tư phát triển 2.110.530.229 VND, giảm quỹ dự phòng tài chính 794.843.159 VND, quỹ khen thưởng, phúc lợi 4.849.924.734 VND, tăng vốn đầu tư của chủ sở hữu 35.573.951.469 VND.

(4) Tăng khác trên chỉ tiêu lợi nhuận chưa phân phối bao gồm: Điều chỉnh khoản đầu tư ngắn hạn khác vào Công ty Greenlife theo hợp đồng bán kết do Công ty Greenlife trả thừa số tiền 10.297.363 VND; điều chỉnh công nợ phải trả người bán với Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng quốc tế về việc quyết toán tòa nhà Trung tâm thương mại Interserco vượt quá 667.932728 VND (giá cả thuế giá trị gia tăng là 734.000.000 VND), Sở Quy hoạch và Kiến trúc Lào Cai số tiền 60.144.000 VND; Điều chỉnh công nợ phải trả khác liên quan đến hợp đồng sắm số tiền 14.000.000 VND, tăng khác 382 VND do chênh lệch (số lẻ) giữa số liệu đánh giá của chứng thư thẩm định giá và số liệu theo quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội.

Tăng khác trên chỉ tiêu vốn đầu tư của chủ sở hữu 903.189.816 VND liên quan đến chênh lệch đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn vào Công ty Cổ phần Thương mại quốc tế Interserco Việt Nam.

(5) Giảm khác trên chỉ tiêu lợi nhuận chưa phân phối, bao gồm:

- Điều chỉnh giảm 442.445.903 VND do ghi nhận thừa khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Giao nhận hàng không 442.445.903 VND;

- Điều chỉnh xử lý khoản đầu tư dài hạn khác vào chợ Tà Lùng 155.828.118 VND do hạch toán nhầm tài khoản chi phí sang tài khoản đầu tư.

- Xử lý công nợ tồn đọng 298.770.453 VND gồm:

+ Điều chỉnh liên quan đến đến chênh lệch giữa số liệu sổ kế toán và thư xác nhận khoản phải thu Công ty Cổ phần Cảng Hồng Hà 97.090.596 VND do hạch toán thừa lợi nhuận kinh doanh xe tại Cảng Hồng Hà năm 2012.

+ Điều chỉnh liên quan đến Công ty TNHH Taraz (Kazakhstan) do hạch toán giảm hai lần chi phí quản lý 19.851.300 VND;

+ Điều chỉnh tiền kho bãi đã trả cho Công ty Cổ phần Logistics hàng không 181.828.557 VND do hạch toán thiếu chi phí thuê kho tháng 11 năm 2007.

- Xử lý theo biên bản thuế 20.074.500 VND do hạch toán nhầm từ công nợ vào doanh thu của Công ty Mai Nguyễn 20.000.000 VND và hạch toán thuế đầu ra vào doanh thu 74.500 VND.

- Xử lý hàng tồn kho lâu năm đã hết hạn sử dụng: 13.828.316 VND;

- Giảm khác: 305 VND xử lý do chênh lệch (số lẻ) giữa số liệu đánh giá của chứng thư thẩm định giá và số liệu quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội;

- Điều chỉnh giảm thu nhập khác trước năm 2014 liên quan đến chênh lệch đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn vào Công ty Cổ phần Thương mại quốc tế Interserco Việt Nam 2.000.000.000 VND.

- Giảm khác 88.000.000 VND do trong năm 2013 Công ty hạch toán trùng hai lần trên bảng cân đối kế toán khi nhận lợi nhuận từ Chi nhánh miền Nam.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU B09 - DN**

*(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 36 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)*

**23. DOANH THU**

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>157.365.009.175</b>	<b>168.169.541.536</b>
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	121.863.987.507	36.074.474.422
Doanh thu cung cấp dịch vụ	35.501.021.668	132.095.067.114
<b>Các khoản giảm trừ</b>	<b>11.628.881</b>	<b>788.104.150</b>
Hàng bán bị trả lại	-	663.696.000
Thuế tiêu thụ đặc biệt	11.628.881	124.408.150
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>157.353.380.294</b>	<b>167.381.437.386</b>

**24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Giá vốn của hàng hóa, thành phẩm đã bán	123.179.969.752	33.821.356.306
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	22.743.582.092	111.441.938.518
<b>Cộng</b>	<b>145.923.551.844</b>	<b>145.263.294.824</b>

**25. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	295.854.417	1.143.679.402
Cổ tức, lợi nhuận được chia	3.880.857.246	6.624.469.424
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	252.114.028
Doanh thu hoạt động tài chính khác	154.675.747	3.826.316
<b>Cộng</b>	<b>4.331.387.410</b>	<b>8.024.089.170</b>

**26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Lãi tiền vay	1.158.066.116	653.265.106
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	21.476.147	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	664.767.894	-
Chi phí tài chính khác	-	2.784.608.599
<b>Cộng</b>	<b>1.844.310.157</b>	<b>3.437.873.705</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU B09 - DN**

*(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 36 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)*

**27. LỢI NHUẬN KHÁC**

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Thu từ thanh lý tài sản cố định	994.509.832	852.859.191
Lãi từ đánh giá tài sản đưa đi góp vốn	19.423.421.880	-
Thu tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng	3.929.188.309	-
Thu nhập từ chuyển nhượng cổ phần	-	1.100.000.000
Thu nhập từ ký quỹ, bảo lãnh	-	362.910.722
Bồi thường giải phóng mặt bằng 358 đường Láng	4.249.849.468	-
Thu nhập lãi vay sau sát nhập của Xí nghiệp Sản xuất và Thương mại Sơn Đồng	-	5.713.513.983
Thu nhập khác	1.481.890.712	1.538.831.695
<b>Thu nhập khác</b>	<b>30.078.860.201</b>	<b>9.568.115.591</b>
Giá trị còn lại của tài sản cố định đã thanh lý	409.982.157	4.390.846.054
Tiền phạt chậm nộp thuế, truy thu thuế	1.519.005.777	837.234.553
Sửa chữa văn phòng 358 đường Láng do giải phóng mặt bằng	3.962.900.974	-
Chi phí bán pháo hoa	18.017.894.054	-
Chi phí lãi vay Ngân hàng Phát triển	-	5.654.901.308
Chi phí khấu hao tài sản cố định Xí nghiệp Sơn Đồng	369.225.397	431.559.733
Chi phí khác	19.509.116.011	-
<b>Chi phí khác</b>	<b>43.788.124.370</b>	<b>11.314.541.648</b>
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>(13.709.264.169)</b>	<b>(1.746.426.057)</b>

**28. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2014 VND
<b>Tổng lợi nhuận kế toán (1)</b>	<b>(20.274.137.883)</b>
<b>Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán</b>	<b>(2.271.833.736)</b>
<i>Các khoản điều chỉnh tăng (2)</i>	<i>1.609.023.510</i>
Các khoản khác	1.609.023.510
<i>Các khoản điều chỉnh giảm (3)</i>	<i>3.880.857.246</i>
Cổ tức, lợi nhuận được chia	3.880.857.246
<b>Lỗ năm trước chuyển sang (4)</b>	<b>-</b>
<b>Tổng lợi nhuận tính thuế (5)=(1)+(2)-(3)+(4)</b>	<b>(22.545.971.619)</b>
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp (6)	
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập tính thuế năm hiện hành (7)=(5)*(6)	
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (8)=(7)</b>	<b>-</b>

**29. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm 2014 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	12.858.865.531
Chi phí nhân công	9.697.380.097
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.186.593.347
Chi phí dịch vụ mua ngoài	16.656.615.090
Chi phí khác	5.094.879.833
<b>Cộng</b>	<b>49.494.333.898</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU B09 - DN**

*(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 36 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)*

**30. THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

*Giao dịch với các bên liên quan*

	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Năm 2014</u> <u>VND</u>
<b>Doanh thu</b>		
Công ty Cổ phần Điện tử Giảng Võ - Chi nhánh tại tỉnh Hưng Yên	Công ty con	17.666.975
Công ty Cổ phần Interserco Mỹ Đình	Công ty con	13.753.333.332
Công ty Cổ phần Thương mại Quốc tế Interserco Việt Nam	Công ty liên kết	9.446.868.477
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ quốc tế Hải Phòng	Công ty liên kết	949.090.908
<b>Thu nhập khác</b>		
Công ty Cổ phần Interserco Mỹ Đình	Công ty con	812.691.650
<b>Mua hàng</b>		
Công ty Cổ phần Interserco Mỹ Đình	Công ty con	49.800.000
Công ty Cổ phần Interserco 19	Công ty liên kết	272.287.364
Công ty Cổ phần Interserco - CB	Công ty liên kết	266.077.663
Công ty Cổ phần Thương mại Quốc tế Interserco Việt Nam	Công ty liên kết	6.663.293.229
<b>Doanh thu hoạt động tài chính - cổ tức, lợi nhuận được chia</b>		
Công ty Cổ phần Logistics hàng không	Công ty liên kết	3.138.000.000
Công ty Cổ phần Cảng Hồng Hà	Công ty con	742.857.246

*Số dư với các bên liên quan*

		<u>31/12/2014</u> <u>VND</u>	<u>01/01/2014</u> <u>VND</u>
<b>Phải thu khách hàng</b>			
Công ty Cổ phần Điện tử Giảng Võ	Công ty con	2.339.438.830	2.555.690.130
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Quốc tế	Công ty con	133.263.785	439.260.964
Công ty Cổ phần Interserco Mỹ Đình	Công ty con	4.616.666.667	1.800.000.000
Công ty Cổ phần Cung ứng Nhân lực và Thương mại Quốc tế		154.000.000	-
	Công ty con		
Công ty Cổ phần Thương mại Quốc tế Interserco Việt Nam	Công ty liên kết	11.795.047.512	19.974.586.500
Công ty Cổ phần Dịch vụ sân bay	Công ty liên kết	-	852.530.431
Công ty Cổ phần Interserco - CB	Công ty liên kết	5.455.234.563	5.455.234.563
Công ty Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế Hải Phòng	Công ty liên kết	261.000.000	200.000.000
Công ty Cổ phần Logistics hàng không	Công ty liên kết	443.261.095	70.746.030
<b>Phải thu khác</b>			
Công ty Cổ phần Cảng Hồng Hà	Công ty con	6.575.993.883	5.010.813.058
Công ty Cổ phần điện tử Giảng Võ	Công ty con	5.147.414.321	5.057.414.321
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Quốc tế	Công ty con	1.501.127.909	-
Công ty Cổ phần Cung ứng nhân lực và Thương mại Quốc tế	Công ty con	1.070.497.794	246.848.366
Công ty Cổ phần Logistics hàng không	Công ty liên kết	3.410.000.000	5.500.000.000
Công ty Cổ phần Thương mại Quốc tế Việt Nam	Công ty liên kết	4.724.644.475	40.293.618.076
Trường Nhân lực Quốc tế cơ sở 2	Công ty liên kết	2.097.240.000	2.097.240.000

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU B09 - DN**

*(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 36 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)*

**30. THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)**

		<b>31/12/2014</b>	<b>01/01/2014</b>
		<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Trả trước cho người bán</b>			
Công ty Cổ phần Interserco 19	Công ty liên kết	480.483.900	780.000.000
Công ty Cổ phần Interserco Mỹ Đình	Công ty con	1.490.000.000	1.440.000.000
Công ty Cổ phần Điện Tử Giảng Võ	Công ty con	604.562.183	167.157.183
<b>Phải trả người bán</b>			
Công ty Cổ phần Interserco - CB	Công ty liên kết	2.659.691.147	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Quốc tế	Công ty con	192.593.250	791.216.522
<b>Phải trả khác</b>			
Công ty Cổ phần Logistics hàng không	Công ty liên kết	4.637.600.000	-
Công ty Cổ phần Interserco - CB	Công ty liên kết	-	1.897.069.207
Công ty Cổ phần Interserco 19	Công ty liên kết	-	213.159.785
Công ty Cổ phần Thương mại Quốc tế Interserco Việt Nam	Công ty liên kết	-	19.423.421.880

**Thu nhập của Hội đồng thành viên và Ban Giám đốc**

**Năm 2014**

**VND**

**Hội đồng thành viên và Ban Giám đốc**

Lương, thưởng

2.029.579.000

**Cộng**

**2.029.579.000**

**31. THÔNG TIN KHÁC**

Theo hợp đồng nguyên tắc hợp tác liên doanh số 09/2011/HĐLD/AZ - INTERSERCO ngày 30/03/2011 được ký giữa Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế (Bên A) và Công ty Cổ phần Bất động sản AZ (Bên B) và bà Phạm Thị Hạnh (Bên C), các Bên thống nhất cùng nhau thành lập một công ty để tiến hành các thủ tục xin phép đầu tư, xây dựng và quản lý công trình xây dựng chung cư hỗn hợp cao cấp kết hợp văn phòng thương mại trên khu đất khoảng 38.000 m<sup>2</sup> tại 17 đường Phạm Hùng, Từ Liêm, Hà Nội. Phụ thuộc vào việc sau khi được Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội chấp thuận chủ trương chuyển đổi mục đích sử dụng đất và lập dự án đầu tư tại 17, đường Phạm Hùng, Từ Liêm, Hà Nội, các Bên sẽ góp vốn thành lập công ty cổ phần và lập dự án đầu tư tại địa chỉ nói trên. Theo đó, Bên A và Bên C chịu trách nhiệm lập dự án, hoàn thiện các thủ tục theo quy định và trình các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Sau khi dự án được phê duyệt quy hoạch chi tiết 1/500, Bên B phải hoàn thành lập dự án chi tiết việc di dời cảng ICD ra ngoài vành đai 4 (tại Đức Thượng - Hoài Đức - Hà Nội). Theo tiến độ thực hiện dự án, dự kiến sẽ tiến hành thi công dự án theo lộ trình từng phần phù hợp với mặt bằng đã được di chuyển hoàn tất, bắt đầu từ tháng 12 năm 2012. Tuy nhiên cho đến thời điểm hiện tại, Dự án vẫn chưa được phê duyệt quy hoạch chi tiết 1/500 nên việc thành lập công ty cổ phần chưa thực hiện được.

**32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Các loại công cụ tài chính

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, nợ phải trả tài chính và công cụ vốn được trình bày tại thuyết minh số 4.15.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU B09 - DN**

*(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 36 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)*

**32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

	Giá trị ghi sổ 31/12/2014 VND	Giá trị ghi sổ 01/01/2014 VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	45.217.915.400	36.323.528.849
Phải thu khách hàng	104.904.359.712	102.342.741.284
Các khoản phải thu khác	42.181.929.727	98.684.183.651
<b>Cộng</b>	<b>192.304.204.839</b>	<b>237.350.453.784</b>
<b>Nợ tài chính</b>		
Vay và nợ	10.558.953.917	13.456.512.309
Phải trả người bán	52.561.137.841	49.598.566.416
Các khoản phải trả khác	100.757.078.321	104.960.607.949
<b>Cộng</b>	<b>163.877.170.079</b>	<b>168.015.686.674</b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính. Thông tư này yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

**33. SỐ LIỆU SO SÁNH**


Là số liệu báo cáo tài chính năm 2013 của Công ty TNHH MTV Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế (không bao gồm số liệu của Chi nhánh Trung tâm Mỹ thuật và Đầu tư Phát triển Văn hóa) được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Độc lập quốc gia Việt Nam hợp cộng thêm số liệu báo cáo tài chính năm 2013 của Trung tâm Mỹ thuật và Đầu tư Phát triển Văn hóa.


Hà Nội, ngày 15 tháng 09 năm 2015

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

  
Phùng Ngọc Dung

  
Trịnh Bích Hồng



PHỤ LỤC 1:  
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN  
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Báo cáo công ty Mẹ	Báo cáo Trung tâm Mỹ thuật và Đầu tư phát triển văn hóa	Báo cáo công ty Mẹ không bao gồm số liệu trung tâm
	[1]	[2]	[3] = [1] - [2]
<b>A- TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100 = 110+120+130+140+150)	<b>334.020.802.944</b>	<b>15.429.218.495</b>	<b>318.591.584.449</b>
<b>I- Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>36.323.528.849</b>	<b>308.338.331</b>	<b>36.015.190.518</b>
1. Tiền	19.221.803.424	308.338.331	18.913.465.093
2. Các khoản tương đương tiền	17.101.725.425	-	17.101.725.425
<b>II- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>12.142.590.027</b>	<b>-</b>	<b>12.142.590.027</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	12.142.590.027	-	12.142.590.027
<b>III- Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>216.124.638.769</b>	<b>12.367.834.461</b>	<b>203.756.804.308</b>
1. Phải thu của khách hàng	102.342.741.284	88.593.088	102.254.148.196
2. Trả trước cho người bán	15.097.713.834	5.305.165.164	9.792.548.670
5. Các khoản phải thu khác	98.684.183.651	6.974.076.209	91.710.107.442
<b>IV- Hàng tồn kho</b>	<b>45.934.105.997</b>	<b>358.734.703</b>	<b>45.575.371.294</b>
1. Hàng tồn kho	45.934.105.997	358.734.703	45.575.371.294
<b>V- Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>23.495.939.302</b>	<b>2.394.311.000</b>	<b>21.101.628.302</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	102.320.324	-	102.320.324
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	2.972.269.770	-	2.972.269.770
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	374.946.838	-	374.946.838
5. Tài sản ngắn hạn khác	20.046.402.370	2.394.311.000	17.652.091.370
<b>B- TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200 = 220 + 250 + 260)	<b>206.377.397.219</b>	<b>-</b>	<b>206.377.397.219</b>
<b>II- Tài sản cố định</b>	<b>38.837.650.922</b>	<b>-</b>	<b>38.837.650.922</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	32.463.334.677	-	32.463.334.677
- Nguyên giá	64.422.298.855	-	64.422.298.855
- Giá trị hao mòn lũy kế	(31.958.964.178)	-	(31.958.964.178)
3. Tài sản cố định vô hình	416.501.626	-	416.501.626
- Nguyên giá	536.512.500	-	536.512.500
- Giá trị hao mòn lũy kế	(120.010.874)	-	(120.010.874)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	5.957.814.619	-	5.957.814.619
<b>IV- Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>166.676.339.212</b>	<b>-</b>	<b>166.676.339.212</b>
1. Đầu tư vào công ty con	34.402.669.962	-	34.402.669.962
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	70.228.715.661	-	70.228.715.661
3. Đầu tư dài hạn khác	62.044.953.589	-	62.044.953.589
<b>V- Tài sản dài hạn khác</b>	<b>863.407.085</b>	<b>-</b>	<b>863.407.085</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	860.407.085	-	860.407.085
3. Tài sản dài hạn khác	3.000.000	-	3.000.000
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>540.398.200.163</b>	<b>15.429.218.495</b>	<b>524.968.981.668</b>

**PHỤ LỤC 1 (TIẾP THEO):  
 BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
 Tại ngày 01 tháng 01 năm 2014

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Báo cáo công ty Mẹ	Báo cáo Trung tâm Mỹ thuật và Đầu tư phát triển văn hóa	Báo cáo công ty Mẹ không bao gồm số liệu trung tâm
	[1]	[2]	[3] = [1] - [2]
<b>A- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>186.673.135.188</b>	<b>15.946.299.859</b>	<b>170.726.835.329</b>
<b>I- Nợ ngắn hạn</b>	<b>173.825.622.879</b>	<b>15.946.299.859</b>	<b>157.879.323.020</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	609.000.000	509.000.000	100.000.000
2. Phải trả cho người bán	49.598.566.416	96.766.400	49.501.800.016
3. Người mua trả tiền trước	11.673.957.338	6.900.158.000	4.773.799.338
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	4.489.331.970	152.087.898	4.337.244.072
5. Phải trả người lao động	1.161.613.591	-	1.161.613.591
6. Chi phí phải trả	2.019.495.298	2.007.296.298	12.199.000
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	104.960.607.949	6.280.991.263	98.679.616.686
11. Quỹ khen thưởng và phúc lợi	(686.949.683)	-	(686.949.683)
<b>II- Nợ dài hạn</b>	<b>12.847.512.309</b>	<b>-</b>	<b>12.847.512.309</b>
4. Vay và nợ dài hạn	12.847.512.309	-	12.847.512.309
<b>B- VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>353.725.064.975</b>	<b>(517.081.364)</b>	<b>354.242.146.339</b>
<b>I- Vốn chủ sở hữu</b>	<b>353.725.064.975</b>	<b>(517.081.364)</b>	<b>354.242.146.339</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	296.214.008.767	-	296.214.008.767
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	1.312.648.013	-	1.312.648.013
7. Quỹ đầu tư phát triển	11.398.444.079	-	11.398.444.079
8. Quỹ dự phòng tài chính	1.588.391.371	-	1.588.391.371
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	41.827.563.273	(517.081.364)	42.344.644.637
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	1.384.009.472	-	1.384.009.472
<b>II- Nguồn kinh phí, quỹ khác</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>540.398.200.163</b>	<b>15.429.218.495</b>	<b>524.968.981.668</b>

Hà Nội, ngày 15 tháng 09 năm 2015

Người lập biểu

Phùng Ngọc Dung

Kế toán trưởng

Trịnh Bích Hồng



Phạm Văn Yên

**PHỤ LỤC 2:  
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Năm 2013

Đơn vị tính: VND

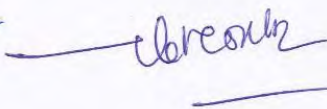
CHỈ TIÊU	Báo cáo công ty Mẹ	Báo cáo Trung tâm Mỹ thuật và Đầu tư phát triển văn hóa	Báo cáo công ty Mẹ không bao gồm số liệu trung tâm
	[1]	[2]	[3] = [1] - [2]
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	168.169.541.536	-	168.169.541.536
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	788.104.150	-	788.104.150
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	167.381.437.386	-	167.381.437.386
4. Giá vốn hàng bán	145.263.294.824	-	145.263.294.824
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	22.118.142.562	-	22.118.142.562
6. Doanh thu hoạt động tài chính	8.024.089.170	-	8.024.089.170
7. Chi phí tài chính	3.437.873.705	-	3.437.873.705
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	653.265.106	-	653.265.106
8. Chi phí bán hàng	536.945.163	-	536.945.163
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	20.691.729.857	-	20.691.729.857
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}	5.475.683.007	-	5.475.683.007
11. Thu nhập khác	9.568.115.591	-	9.568.115.591
12. Chi phí khác	11.314.541.648	-	11.314.541.648
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	(1.746.426.057)	-	(1.746.426.057)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	3.729.256.950	-	3.729.256.950
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	3.729.256.950	-	3.729.256.950

Hà Nội, ngày 15 tháng 09 năm 2015

Người lập biểu

Kê toán trưởng

Tổng Giám đốc


Phùng Ngọc Dung

Trịnh Bích Hồng

Phạm Văn Yên



PHỤ LỤC 3:  
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ  
(Theo phương pháp trực tiếp)  
Năm 2013

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Báo cáo công ty Mẹ	Báo cáo Trung tâm Mỹ thuật và Đầu tư phát triển văn hóa	Báo cáo công ty Mẹ không bao gồm số liệu trung tâm
	[1]	[2]	[3] = [1] - [2]
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	174.421.516.504	331.617.000	174.089.899.504
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	(137.222.219.070)	-	(137.222.219.070)
3. Tiền chi trả cho người lao động	(8.995.007.401)	(210.691.532)	(8.784.315.869)
4. Tiền chi trả lãi vay	(653.265.106)	-	(653.265.106)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	(3.167.532.401)	-	(3.167.532.401)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	52.751.430.578	-	52.751.430.578
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(61.129.181.486)	-	(61.129.181.486)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>16.005.741.618</b>	<b>120.925.468</b>	<b>15.884.816.150</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	(511.773.622)	-	(511.773.622)
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	(22.016.251.900)	-	(22.016.251.900)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	31.909.154.153	-	31.909.154.153
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	10.000.000.000	-	10.000.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	3.942.459.459	4.850.900	3.937.608.559
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>23.323.588.090</b>	<b>4.850.900</b>	<b>23.318.737.190</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	20.605.766.173	-	20.605.766.173
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	(43.872.599.599)	-	(43.872.599.599)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	(79.000.000)	-	(79.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>(23.345.833.426)</b>	-	<b>(23.345.833.426)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>15.983.496.282</b>	<b>125.776.368</b>	<b>15.857.719.914</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	20.382.262.174	182.561.963	20.199.700.211
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	(42.229.607)	-	(42.229.607)
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>36.323.528.849</b>	<b>308.338.331</b>	<b>36.015.190.518</b>

Hà Nội, ngày 15 tháng 09 năm 2015

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Phùng Ngọc Dung

Trịnh Bích Hồng



Phạm Văn Yên

# Partnering for **Success**

## **ĐỊA CHỈ GIAO DỊCH:**

**Tầng 12, tòa nhà 167 Bùi Thị Xuân  
Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội**

**E** [anviet@anvietcpa.com](mailto:anviet@anvietcpa.com)  
**T** (84-4) 6278 2904  
**F** (84-4) 6278 2905

---

**Tầng 9, tòa nhà AC ngõ 78 Duy Tân  
Quận Cầu Giấy, Hà Nội**

**E** [anviet.hn@anvietcpa.com](mailto:anviet.hn@anvietcpa.com)  
**T** (84-4) 3795 8705  
**F** (84-4) 3842 8677

---

**Tầng 7, tòa nhà Hải Quân số 5 Lý Tự Trọng  
Quận Hồng Bàng, Hải Phòng**

**E** [anviet.hp@anvietcpa.com](mailto:anviet.hp@anvietcpa.com)  
**T** (84-31) 3842 430  
**F** (84-31) 3842 433

